Số: 1861/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-09-11T19:05:41+07:00

# PHỤ LỤC I
# DANH MỤC THÔNG TIN PHẢI ĐƯỢC CÔNG KHAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/ 2026 của UBND xã Tam Xuân)*

## I. NGUYÊN TẮC LẬP DANH MỤC

Danh mục thông tin phải được công khai được xây dựng trên cơ sở Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 và được cập nhật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý của UBND xã. Điều 17 quy định các nhóm thông tin phải được công khai, bao gồm thông tin về kế hoạch, hoạt động của cơ quan; văn bản, thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy; ngân sách, tài chính; đầu tư công; đất đai; môi trường; cán bộ, công chức và các thông tin khác theo quy định pháp luật.

## II. DANH MỤC THÔNG TIN

| TT | Nhóm thông tin | Thông tin, hồ sơ, tài liệu phải công khai | Bộ phận chủ trì | Hình thức công khai |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Thông tin chung về hoạt động của UBND xã** | | | |
| 1 | Kế hoạch phát triển kinh té-xã hội | Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng chuyên môn liên quan | Công khai theo quy định |
| 2 | Chương trình công tác | Chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của UBND xã | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 3 | Báo cáo công tác | Báo cáo công tác định kỳ của UBND xã | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 4 | Thông tin thống kê | Thông tin thống kê thuộc phạm vi quản lý của xã | Các phòng chuyên môn liên quan | Công khai |
| 5 | Chương trình, dự án, đề án | Chương trình, dự án, đề án thuộc thẩm quyền hoặc phạm vi quản lý | Các phòng, đơn vị liên quan | Công khai theo quy định |

thuannt11 - 12/10/2026 16:03:02 - thuannt11 - thuannt11 - thuannt11

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **II** | **Văn bản và thủ tục hành chính** | | | |
| 6 | Văn bản quy phạm pháp luật | Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND xã | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 7 | Văn bản áp dụng chung | Văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 8 | Thủ tục hành chính | Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Niêm yết, công khai |
| 9 | Quy trình giải quyết công việc | Quy trình, trình tự giải quyết thủ tục hành chính | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Công khai |
| 10 | Phổ biến pháp luật | Thông tin hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 11 | Dự thảo văn bản | Dự thảo văn bản thuộc diện lấy ý kiến nhân dân | Các phòng, đơn vị liên quan | Công khai |
| 12 | Lấy ý kiến nhân dân | Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến nhân dân theo quy định | Các phòng, đơn vị liên quan | Công khai |
| **III** | **Tổ chức bộ máy và hoạt động của cơ quan** | | | |
| 13 | Chức năng, nhiệm vụ | Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã và các cơ quan, đơn vị trực thuộc | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, trung tâm | Công khai |
| 14 | Cơ cấu tổ chức | Cơ cấu tổ chức của UBND xã, các cơ quan, đơn vị trực thuộc | Phòng Văn hóa-Xã hội, các phòng, trung tâm | Công khai |
| 15 | Phân công nhiệm vụ | Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc của nhân dân | Phòng Văn hóa -Xã hội, các phòng, trung tâm | Niêm yết, công khai |

thuannt1 - 12/10/2026 16:03:02 thuannt1 - thuannt1 - thuannt1

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 16 | Nội quy, quy chế | Nội quy, quy chế do UBND xã ban hành thuộc diện công khai | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 17 | Chuyển đổi vị trí công tác | Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo quy định | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai theo quy định |
| **IV** | **Ngân sách, tài chính và các khoản đóng góp** | | | |
| 19 | Dự toán ngân sách | Dự toán ngân sách nhà nước của xã | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 20 | Thực hiện ngân sách | Tình hình thực hiện dự toán ngân sách | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 21 | Quyết toán ngân sách | Quyết toán ngân sách nhà nước | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 22 | Báo cáo tài chính | Báo cáo tài chính năm theo quy định | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 23 | Hỗ trợ ngân sách | Các khoản hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước cho người dân | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 24 | Thuế, phí, lệ phí | Thông tin về thuế, phí, lệ phí thuộc phạm vi cung cấp | Phòng Kinh tế, Trung tâm phục vụ hành chính công | Công khai |
| 25 | Quỹ | Quản lý, sử dụng các loại quỹ theo quy định | Các phòng, trung tâm | Công khai |
| 26 | Đóng góp của nhân dân | Quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân | Các phòng, đơn vị liên quan | Công khai |
| 27 | Cứu trợ, trợ cấp | Quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội | Phòng Văn hóa -Xã hội, các đơn vị liên quan | Công khai |
| **V** | **Đầu tư công, mua sắm công và tài sản công** | | | |
| 28 | Tài sản công | Thông tin về tài sản công theo quy định | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 29 | Đầu tư công | Danh mục dự án, chương trình đầu tư công | Phòng Kinh tế | Công khai |

thuamt01 - 12/12/2026 16:03:02 - thuamt01 - thuamt01 - thuamt01

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 30 | Thực hiện dự án | Tình hình, kết quả thực hiện dự án đầu tư công | Phòng Kinh tế, Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công | Công khai |
| 31 | Mua sắm công | Thông tin mua sắm công thuộc diện công khai | Các phòng , đơn vị liên quan | Công khai |
| 32 | Lựa chọn nhà thầu | Kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định | Các phòng, trung tâm liên quan | Công khai |
| 33 | Sử dụng kinh phí | Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, kinh phí hợp pháp khác | Các phòng chuyên môn liên quan | Công khai |
| **VI** | **Thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiết kiệm chống lãng phí** | | | |
| 34 | Kết luận thanh tra | Kết luận thanh tra thuộc diện công khai | Các phòng, trung tâm liên quan | Công khai |
| 35 | Phòng, chống tham nhũng | Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 36 | Tiết kiệm, chống lãng phí | Chương trình, báo cáo và kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí | Phòng Kinh tế | Công khai |
| **VII** | **Đất đai, quy hoạch và xây dựng** | | | |
| 37 | Quy hoạch | Thông tin quy hoạch thuộc phạm vi công khai | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 38 | Kế hoạch sử dụng đất | Kế hoạch sử dụng đất | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 39 | Giá đất | Thông tin về giá đất theo quy định | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 40 | Thu hồi đất | Thông tin về thu hồi đất | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 41 | Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến dự án trên địa bàn | Phòng Kinh tế | Công khai |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 42 | Điều tra, đánh giá đất đai | Kết quả điều tra, đánh giá đất đai theo quy định | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 43 | Cưỡng chế kiểm đếm | Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc | Phòng Kinh tế | Công khai theo quy định |
| **VIII** | **Môi trường, sức khỏe cộng đồng và an toàn** | | | |
| 44 | Môi trường | Thông tin về chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 45 | Sự cố môi trường | Kế hoạch và thông tin ứng phó sự cố môi trường | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 46 | Báo cáo môi trường | Báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc diện công khai | Phòng Kinh tế | Công khai |
| 47 | An toàn thực phẩm | Thông tin về an toàn thực phẩm thuộc diện công khai | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |
| 48 | Sức khỏe cộng đồng | Thông tin liên quan đến bảo vệ sức khỏe cộng đồng thuộc diện công khai | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |
| **IX** | **Văn hóa, giáo dục** | | | |
| 49 | Giáo dục | Thông tin về cơ sở giáo dục thuộc phạm vi công khai | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |
| 50 | Di sản văn hóa | Danh mục, danh sách di sản văn hóa và nội dung liên quan theo quy định | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |
| **X** | **Cán bộ, công chức và khoa học** | | | |
| 51 | Tuyển dụng | Thông tin về tuyển dụng cán bộ, công chức theo quy định | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |
| 52 | Quản lý cán bộ | Thông tin về sử dụng, quản lý cán bộ, công chức thuộc diện công khai | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |

thuannt11 - 12/10/2026 16:03:02 - thuannt11 - thuannt11 - thuannt11

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 53 | Đề tài khoa học | Danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |
| **XI** | **Chuyển đổi số và dịch vụ công** | | | |
| 54 | Dịch vụ công | Quy trình, thời hạn giải quyết và kết quả cung ứng dịch vụ công | Trung tâm phục vụ hành chính công, Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công | Công khai |
| 55 | Dịch vụ công trực tuyến | Quy trình, thời hạn xử lý và kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến | Trung tâm phục vụ hành chính công | Công khai |
| 56 | Chuyển đổi số | Kế hoạch chuyển đổi số được phê duyệt | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |
| 57 | Kết quả chuyển đổi số | Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số thuộc diện công khai | Phòng Văn hóa -Xã hội | Công khai |
| **XII** | **Thông tin về tiếp cận thông tin** | | | |
| 58 | Danh mục thông tin | Danh mục thông tin phải được công khai | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 59 | Đầu mối cung cấp thông tin | Tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| 60 | Kênh cung cấp thông tin | Địa chỉ các kênh công khai, cung cấp thông tin theo yêu cầu | Văn phòng HĐND và UBND | Công khai |
| **XIII** | **Thông tin khác** | Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật | Các phòng, trung tâm liên quan | Theo quy định |

thuannt11 - 12/10/2026 16:03:08 - thuannt11 - thuannt11